

Bản án số: 643/2022/HS-PT
Ngày: 15/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

- T2 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, T2 ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 306/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hồng A, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2022/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Hồng A, sinh ngày 16/6/1997 tại Hà Nội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKTT và chỗ ở: số 33 Đại L, phường Trương Đ, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội; Con ông: Nguyễn Tiến T, sinh năm 1972; Con bà: Mai Thị Hồng N, sinh năm 1972; Chồng: Nguyễn Anh T1, sinh năm 1996; Con: 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021); Danh chỉ bản số: 311 lập ngày 22/10/2020 tại Phòng Cảnh sát hình sự, Công an TP. Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

*** Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Mai P; sinh năm 2000; Nơi cư trú tại: số 10 ngõ 15 đường Nguyễn Xuân Ô, phường Hưng B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Phương T2; sinh năm 1998; Nơi cư trú tại: số 19 ngõ 20 đường Nguyễn Duy T, phường Hưng D, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Hù Tuyết Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đội 6 thôn Làng T, xã Quang K, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Hoa P1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 14 phường Lào C, TP. Lào C, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng A:**

+ Luật sư Phan Kế H - Công ty Luật Bảo Tín thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 5A, tầng 5, Toà nhà Thăng Long T, số 33, đường Mạc Thái T, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

+ Luật sư Trịnh Cẩm B - Công ty Luật Biển Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 301, số 05, phố Bà T, phường Tràng T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đầu tháng 8/2019, Nguyễn Hồng A mở cửa hàng chăm sóc sắc đẹp tại địa chỉ: số 51 Tôn Đức T, phường Quốc Tử G, quận Đống Đ, TP. Hà Nội. Quá trình kinh doanh, Hồng A đã quen với một người phụ nữ tên là L (hiện chưa rõ nhân thân). L nói với Hồng A hiện đang cùng bạn tên là D (khoảng 35 tuổi, quốc tịch: Trung Quốc không rõ nhân thân) mở quán mại dâm tại Myanmar, cần tuyển gái Việt Nam trẻ đẹp và nhờ Hồng A tìm giúp, còn L sẽ giới thiệu nhiều khách làm đẹp đến cửa hàng để Hồng A có thêm thu nhập. L nói mỗi lần bán dâm tại Myanmar giá 400 nhân dân tệ (tương đương 1,2 triệu đồng) gái bán dâm được hưởng 50%, L hưởng 50% và bao ăn nghỉ tại quán. Nếu gái bán dâm đồng ý L sẽ tổ chức đưa sang Myanmar bằng đường hàng không, chi phí hết khoảng 6.000 nhân dân tệ hoặc nếu đi bằng đường tiểu ngạch sang Trung Quốc, sau đó sẽ đi ô tô sang Myanmar, chi phí khoảng 3.000 nhân dân tệ L ứng ra trả trước, khi đi sang Myanmar bán dâm cho khách L sẽ trừ tiền sau.

Đầu tháng 9/2019, Nguyễn Thị Mai P (sinh năm 2000, trú tại: Đường Nguyễn Xuân Ô, phường Hưng B, TP V, Nghệ An) và chị Nguyễn Thị Phương T2 (sinh năm 1998, trú tại: Đường Nguyễn Duy T, phường Hưng D, TP V, Nghệ An) đến cửa hàng Spa của Hồng A làm đẹp. Quá trình làm đẹp P nợ Hồng A 3.500.000 đồng, T2 nợ Hồng A 10.000.000 đồng không có tiền trả. Hồng A đã nảy sinh ý định giới thiệu P, T2 cho L và trao đổi lại toàn bộ nội dung thoả thuận với L trước đó. Các chị P, T2 đồng ý đồng ý sang Myanmar. Hồng A đã gửi ảnh các chị P, T2 cho L. L đồng ý và thoả thuận nếu đưa được P và T2 sang Myanmar bán dâm thì L sẽ trả cho Hồng A số tiền 13.500.000 đồng (mà P và T2 nợ) trước đó.

Ngày 12/10/2019, Hồng A cùng đối tượng tên là D thuê xe taxi đưa các chị P, T2 đi từ 51 phố Tôn Đức T, quận Đống Đ, Hà Nội đến nhà xe Hà S, Hải V (*địa chỉ: tòa nhà 2N2A khu nhà ở Mỹ Đ, phường Mỹ Đ 2, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội*) và đi lên Lào Cai. Khoảng 19 giờ cùng ngày đến thành phố Lào C, Hồng A thuê phòng tại Khách sạn Lào Cai Royal Hotel (địa chỉ: Tổ 29 phường Duyên H, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai), Hồng A và D ở tại phòng 403; các chị P, T2 ở phòng 404.

Ngày 14/10/2019, L báo cho Hồng A có xe ô tô 4 chỗ (không rõ biển kiểm soát) đón các P, T2 đưa sang Trung Quốc. D đưa cho các chị P, T2 số tiền 200 nhân dân tệ để đi đường. Xe ô tô đưa các chị P, T2 đi khoảng 10 phút thì có 01 người phụ nữ (hiện không rõ nhân thân) khoảng 50 tuổi đón các chị P, T2 đưa bằng thuyền đi qua sông sang Trung Quốc. Khi sang đến Trung Quốc có một người đàn ông khoảng 20 tuổi (biết nói tiếng Việt Nam, không rõ nhân thân) đưa các chị P, T2 đi bộ trong rừng khoảng 10 phút. Sau đó có một người đàn ông Trung Quốc khác khoảng 35 tuổi lái xe ô tô 4 chỗ đưa các chị P, T2 đi tiếp khoảng 12 tiếng đến địa điểm Côn M, Trung Quốc thuê nhà nghỉ.

Ngày 15/10/2019, chị T2 nhắn tin cho Hồng A qua tài khoản Facebook thông báo đã vượt biên sang Trung Quốc đang chờ để sang Myanmar. Ngày 18/10/2019, chị T2 tiếp tục nhắn tin cho Hồng A thông báo đã sang Myanmar và được một người phụ nữ khoảng 50 tuổi người Trung Quốc tên thường gọi là “Bà già” đón. “Bà già” cùng một người đàn ông tên là D1 (chồng của “Bà già”, cũng là người yêu của L) là người quản lý, điều hành cơ sở chứa mại dâm tại Myanmar. Các chị P, T2 bị yêu cầu phải bán dâm tại Myanmar, nếu không làm sẽ không cho ăn, uống và bị đe dọa, ép buộc.

Hàng ngày, Hồng A dùng tài khoản Facebook “*Hong Anh Ng*” hoặc tài khoản Zalo “*B*” số điện thoại 0963319250 để liên lạc với L qua Facebook “*Ngoe L*” và với T2 qua Facebook “*Trần Kiều P1 - sóng ngầm*” hoặc với P qua Zalo “*Nguyễn Thị Mai P*” để theo dõi quá trình bán dâm, số tiền thu được của P, T2 tại Myanmar và thông báo lại cho L. Các chị P, T2 đã phải bán dâm mỗi ngày khoảng 4-5 lần hoặc nhiều hơn với số tiền từ 200 - 400 nhân dân tệ/1 lần/1 người, việc bán dâm thường từ 20h đến 7h sáng ngày hôm sau, từ ngày 17/10/2020 đến 27/10/2020, số tiền bán dâm của P, T2 do “Bà già” thu giữ.

Quá trình bán dâm tại Myanmar, P bán dâm được 6000 nhân dân tệ (tương đương 19,5 triệu đồng Việt Nam), T2 được 2.500 nhân dân tệ (tương đương 8 triệu đồng Việt Nam). Ngày 26/10/2019, L thông qua tài khoản số 19020316883011 mang tên Nguyễn Thị Hoa P2 (*người làm dịch vụ đổi tiền từ nhân dân tệ sang tiền Việt Nam và ngược lại*) chuyển số tiền 19,5 triệu đồng (*tiền*

bán dâm của P) và 8 triệu đồng (*tiền bán dâm của T2*) vào tài khoản của Hồng A số 19032441199996 mở tại ngân hàng Techcombank; cùng ngày Hồng A chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của T2 số 0451000473144 mở tại ngân hàng Vietcombank.

Các chị P, T2 đã nhiều lần liên hệ với Hồng A yêu cầu được trở về Việt Nam nhưng Hồng A có nhiều tin nhắn đe dọa, yêu cầu phải tiếp tục ở lại Myanmar bán dâm; ngoài ra còn phải trả số tiền lớn hơn nhiều lần số tiền các chị P, T2 còn nợ, lý do đòi thanh toán các khoản tiền chi phí đưa sang Myanmar. Khi chị P, T2 bỏ trốn về Việt Nam, Hồng A vẫn tiếp tục nhắn tin đe dọa, yêu cầu họ phải quay lại Myanmar.

Ngày 27/10/2019, các chị P, T2 bỏ trốn đi bằng đường tiểu ngạch bằng xe ô tô từ Myanmar sang Trung Quốc, rồi từ Trung Quốc đi bằng thuyền sang tỉnh Lào Cai về Việt Nam. Hồng A đã nhiều lần nhắn tin yêu cầu các chị P, T2 phải quay lại Myanmar để tiếp tục bán dâm và dọa nếu để chủ chứa bắt được thì sẽ bị đánh đập, nhốt, không cho về Việt Nam hoặc bị đưa thông tin xấu lên mạng xã hội hoặc bị gửi thông tin xấu cho thân nhân trong gia đình.

Sau khi về được Việt Nam, các chị P, T2 đã tố cáo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ toàn bộ chứng từ liên quan đến giao dịch chuyển tiền giữa người có tên Hoa P2 với Hồng A, T2; tất cả nội dung tin nhắn trao đổi giữa Hồng A với P, T2.

Tại Cơ quan An ninh điều tra, Nguyễn Hồng A khai nhận hành vi phạm tội tổ chức cho Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Thị Phương T2 xuất cảnh trái phép như nêu trên và khai: Động cơ giúp L, D đưa P, T2 sang Myanmar là để P, T2 đi bán dâm có tiền trả nợ cho Hồng A; Hồng A chỉ tham gia đưa P, T2 xuất cảnh khỏi Việt Nam, toàn bộ lộ trình, kế hoạch đi lại như thế nào do D chỉ đạo. Hồng A chỉ ứng tiền chi phí 4,6 triệu đồng để các chị P, T2 sang Myanmar. Hồng A khai chỉ biết L (quê ở Thái Nguyên), D (là người Trung Quốc, dùng webchat tiếng Trung Quốc), ngoài ra không có thông tin gì khác.

Các chị Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Thị Phương T2 khai do thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác số tiền, số lần bán dâm, số tiền bán dâm do “Bà già” giữ. Các chị P, T2 đều khai nhận không biết thông tin, lai lịch đối tượng tên là L, còn đối tượng D chỉ biết là người Trung Quốc, khoảng 35 tuổi, đầu trọc.

Đối với người dùng tài khoản số 19020316883011 chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Hồng A (*tiền bán dâm của chị P, T2*): Chị Nguyễn Thị Hoa P2 (*sinh 4/12/1984, trú tại: tổ 14 phường Lào C, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai*) khai chị

làm dịch vụ đổi tiền từ năm 2011 đến nay tại Lào Cai. Ngày 25/10/2019 có một người đàn ông dùng tài khoản tiếng Trung Quốc nhắn vào Wechat của chị để đổi tiền. Sau đó, người đàn ông này đã đến nhà chị đổi 6.000 nhân dân tệ (khoảng 19,7 triệu đồng). Hoa P2 được hưởng lợi 200.000 nghìn đồng. Đổi tiền xong, người đàn ông trên yêu cầu chị Hoa P2 chuyển số tiền 19,5 triệu vào tài khoản mang tên Nguyễn Hồng A số tài khoản 19032441199996. Ngày 26/10/2019, chị Hoa P2 dùng tài khoản số 19020316883011 chuyển số tiền 19,5 triệu đồng vào tài khoản Hồng A. Do trời tối, người đàn ông đội mũ, đeo khẩu trang nên chị Hoa P2 không nhìn rõ mặt và không biết thông tin của người đàn ông này. Về các đối tượng tên là L, D, “Bà già”, chị Hoa P2 khai không quen biết và không rõ thông tin, lai lịch của những người trên.

Về các đối tượng tên là L, D: Sau khi Hồng A biết P, T2 làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Hồng A đã xóa hết dữ liệu trên mạng xã hội, tin nhắn... liên quan đến việc đưa P, T2 sang Myanmar làm gái bán dâm trong điện thoại nên Cơ quan điều tra không thu giữ được các nội dung trao đổi giữa Hồng A với các đối tượng L, D.

Xác minh tại Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Công an thành phố Hà Nội về tài khoản Facebook “L Ngọc”, “Thanh N” của L dùng để trao đổi thông tin trước, trong, sau khi P, T2 đến Myanmar với bị can Hồng A (Facebook “Hong Anh Ng”), D, “Bà già” (bên Myanmar)...xác định các dịch vụ như Wechat, Facebook do nước ngoài quản lý, có máy chủ đặt tại nước ngoài nên không thể xác định được thông tin các tài khoản do các dịch vụ trên cung cấp.

Xác minh tại Công ty cổ phần tập đoàn V (VNG) về tài khoản Zalo “B” của Hồng A liên quan đến vụ án xác định: số điện thoại 0963319250 có tài khoản Zalo “B” khởi tạo ngày 18/11/2015 và xóa tài khoản vào ngày 22/6/2019. Các thông tin về tin nhắn, số điện thoại từng liên kết với tài khoản Zalo của đối tượng trên bộ phận kỹ thuật Công ty cổ phần tập đoàn V không lưu thông tin.

Do không đủ thông tin nên Cơ quan điều tra không làm rõ được các đối tượng L, D như trên.

Đối với các đối tượng là người phụ nữ đã đưa các chị P, L qua biên giới, các đối tượng ở nước ngoài như “Bà già”, “D1” đã khống chế, ép buộc chị P, L bán dâm tại Myanmar hiện không làm rõ được nên không có cơ sở xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 giấy photo tài khoản ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Hồng A số tài khoản 19032441199996;

- 01 giấy photo chi tiết giao dịch mang tên Nguyễn Thị Hoa P2 chuyển tiền cho Nguyễn Hồng A số tiền 19.500.000 đồng vào ngày 26/10/2019;

- 01 giấy photo chi tiết giao dịch mang tên Nguyễn Hồng A chuyển tiền cho Nguyễn Thị Phương T2 số tiền 19.500.000 đồng vào ngày 26/10/2019;

- 01 giấy photo chi tiết giao dịch mang tên Nguyễn Thị Hoa P2 chuyển tiền cho Nguyễn Hồng A số tiền 8.500.000 đồng vào ngày 28/10/2019;

- 01 giấy photo chi tiết giao dịch mang tên Nguyễn Hồng A chuyển tiền cho Nguyễn Thị Phương T2 số tiền 8.500.000 đồng vào ngày 26/10/2019;

- 02 giấy sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Hồng A vào ngày 26/10/2019 và 28/10/2019.

Ngoài hành vi nêu trên, Nguyễn Hồng A và một số đối tượng (L, D...) còn có dấu hiệu phạm vào tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do hành vi này xảy ra tại nước ngoài nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề nghị xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Thị Phương T2 có hành vi xuất cảnh trái phép. Cơ quan điều tra đã xác minh tại Phòng hồ sơ - Công an thành phố Hà Nội; Cục Hồ sơ - Bộ Công an xác định: Không có thông tin việc P, T2 bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này, nên không xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 252/CT-VKS- P1 ngày 25/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo: Nguyễn Hồng A về tội Mua bán người, theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Về tội danh đối với bị cáo: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng A phạm tội Mua bán người.

2. Về điều luật và hình phạt áp dụng với bị cáo:

- *Áp dụng*: các điểm d, đ khoản 2 Điều 150; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Hồng A 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- *Áp dụng:* Điều 46, 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 275, Điều 357, Điều 468, Điều 590, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hồng A phải bồi thường tổn thất về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cho chị Nguyễn Thị Phương T2 số tiền 44.700.000 đồng (*Bốn mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo Nguyễn Hồng A còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Phương T2 số tiền 24.700.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) bị cáo Nguyễn Hồng A đã nộp để bảo đảm việc bồi thường của bị cáo với chị Nguyễn Thị Phương T2 (*Số tiền trên hiện đang quản lý tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai thu tiền số 63252 ngày 12/10/2021*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 28/01/2022 bị cáo Nguyễn Hồng A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Mức hình phạt của án sơ thẩm không đúng; Hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Mua bán người”. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Đối với luật sư bào chữa: Bị cáo Nguyễn Hồng A bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo khung hình phạt không thuộc trường hợp phải chỉ định luật sư bào chữa; đối hai luật sư do bị cáo Nguyễn Hồng A mời tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Đối với bị cáo Nguyễn Hồng A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Hồng A theo qui định pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Hồng A theo qui định của pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa: Công bố lại nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Hồng A và nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hồng A không xuất trình thêm được những tài liệu chứng cứ mới, liên quan đến nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau khi phân tích hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng A, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Mua bán người” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A 10 (mười) năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hồng A.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A, đảm bảo về mặt hình thức; trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt.

- Đối với luật sư bào chữa: Bị cáo Nguyễn Hồng A, bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo khung hình phạt không thuộc trường hợp phải chỉ định luật sư bào chữa; đối với hai luật sư của bị cáo Nguyễn Hồng A mời tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ; đều vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Hồng A theo qui định pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng về trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hồng A:

Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hồng A và những người bào chữa cho bị cáo có ý kiến cho rằng bị cáo chỉ có hành vi trao đổi với các bị hại về việc đưa họ ra nước ngoài để bán dâm và các bị hại cũng đã đồng ý ra nước ngoài để bán dâm, chứ bị cáo không có hành vi mua bán người.

Cơ quan điều tra bỏ lọt tội phạm, chưa làm rõ các đối tượng tên là D, L. Nhưng căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, thấy có đủ cơ sở kết luận, cụ thể như sau:

Nội dung đơn trình báo đề ngày 13/11/2019 của bị hại Nguyễn Thị Mai P có ghi: *“Chị Hồng A nói với tôi sang làm móng và trang điểm cho nhân viên nhà chị ấy, chị có cửa hàng spa ở đây và nhân viên rất đông. Nhưng khi sang đến nơi, không những không có khách làm móng và trang điểm, chị ấy kê ra rất nhiều khoản như: Tiền xe (3850 tệ), tiền nhà, tiền cắt khi đưa người sang... và bắt tôi phải tiếp khách đàn ông để trả tiền cho chị”*. (bút lục 01)

Lời khai ngày 16/12/2019, bị hại Nguyễn Thị Phương T2 đã khai *“chị Hồng A đã rủ tôi và chị P đi làm Spa tại Myanmar do chị Hồng A và người yêu mở quán, chị Hồng A hứa hẹn mỗi khách làm móng tay, trang điểm thì sẽ trả là 400 nhân dân tệ/1 khách số tiền trên ăn chia 50/50 tôi được hưởng 200 nhân dân tệ khoảng 500 nghìn đồng tiền Việt Nam, chị Hồng A sẽ bao ăn, bao ở tại quán. Nếu lúc nào muốn về Việt Nam thì sẽ cho về”*.

Nội dung tin nhắn giữa bị hại P, T2 với bị cáo, có nội dung: *“c mang e sang đây, vớt e bên đây, c bảo e sang làm móng, make up cho nhân viên nhà c, và rồi không hề có 1 khách make up hay làm móng nào. Và rồi như một kinh bản lên sẵn, c kê ra rất nhiều khoản tiền như: tiền xe, tiền cắt, tiền nhà ... rồi bắt bọn e đi làm trả nợ cho c”* (bl 371); *“c đưa e sang, bảo e đi make up, làm nail rồi không hề có khách nail, chi cả bắt e đi làm gái để trả tiền cho c”* (bl 375);

Nội dung các lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng A thể hiện: Bị cáo được đối tượng tên là L nhờ tìm phụ nữ trẻ để đưa sang Myanmar làm gái mại dâm, đối tượng L và Hồng A có thỏa thuận nếu Hồng A giới thiệu được phụ nữ sang Myanmar làm gái mại dâm thì L sẽ giới thiệu nhiều cô gái khác đến Spa của Hồng A để làm đẹp, tạo điều kiện để Hồng A có thu nhập về kinh tế.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng A còn thể hiện: Đối với trường hợp của các chị P, T2 giữa bị cáo Hồng A và đối tượng L còn có thỏa thuận nếu đưa được các bị hại trên sang Myanmar làm gái mại dâm thì số tiền bán dâm của các bị hại sẽ được đối tượng L chuyển về cho Hồng A để Hồng A trừ nợ tiền làm đẹp của các bị hại trước đó. Khi đưa được các bị hại sang Myanmar bán dâm Hồng A đã được các đối tượng quản lý cơ sở mại dâm chuyển tiền bán dâm của các bị hại để Hồng A hưởng lợi bất chính. Trong thời gian các chị P, T2 ở tại Myanmar, bị cáo Hồng A còn được đối tượng L giao nhiệm vụ hàng ngày nhắn tin với họ để nắm bắt tâm lý các bị hại, yêu cầu các bị hại đi bán dâm để lấy tiền trả cho Hồng A và

chủ cơ sở mại dâm.)

Nội dung các tin nhắn giữa Hồng A với bị hại Phương T2 thể hiện: *Bị cáo Hồng A có hành vi khống chế, ép các bị hại phải ở lại Myanmar bán dâm để lấy tiền trả lại cho bị cáo; thể hiện các bị hại phải bán dâm rất nhiều, bị mắc bệnh mà vẫn phải thực hiện theo yêu cầu của các đối tượng chủ cơ sở mại dâm nếu không sẽ không có tiền trả nợ cho bị cáo, không được ăn uống. Khi các bị hại đòi về Việt Nam bị cáo đưa ra các khoản chi phí rất lớn để khống chế, yêu cầu họ phải ở lại Myanmar để bóc lột tình dục.*

Cũng trong nội dung đơn trình báo của bị hại Mai P đề ngày 13/11/2019 có ghi nội dung: *“Ngày 04/11/2019 khi tôi về nhà được một tuần thì Hồng A vẫn tiếp tục nhắn tin dọa nạt, đòi tiền và hôm qua 12/11/2019, Hồng A đăng bài trên trang mạng xã hội để bêu rếu tôi và đe dọa là rải video khi tôi ở Myanmar về cho gia đình và tất cả mọi người biết và phát tán in ảnh rải khắp đường...”*

Nội dung tin nhắn với bị hại Phương T2, bị cáo Hồng A nhắn *“Còn video e di o quán. Bme e se dk cem. Va mn se dk xem” (BL 376).*

Lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng A khai người sử dụng Facebook Thu P4 là người giới thiệu các chị Mai P, Phương T2 cho bị cáo để đưa sang Myanmar bán dâm nhưng bị cáo cũng không biết người có tên Thu P4 đó có căn cước như thế nào. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hồng A khai thực chất Thu P4 cũng là người đã bán dâm tại Myanmar, thỉnh thoảng có đến Spa của bị cáo để làm đẹp, bị cáo không biết căn cước của Thu P4. Nội dung tin nhắn giữa bị cáo với bị hại Mai P, cũng thể hiện các bị hại không đi sang Myanmar theo sự giới thiệu của Thu P4 như lời khai của bị cáo và Thu P4 cũng đang ở tại Myanmar. Nhưng người đăng ký sử dụng số điện thoại đó không có mặt tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hồng A cũng đã xác nhận toàn bộ các nội dung tin nhắn giữa bị cáo với các bị hại đã được Cơ quan điều tra in, sao cho bị cáo Nguyễn Hồng A đọc lại và ký xác nhận là đúng.

Như vậy, tổng hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng A tại phiên tòa sơ thẩm xác định được như sau: Lợi dụng việc các bị hại còn nợ tiền của Nguyễn Hồng A trước đó. Nên các bị hại như chị T2, chị P được Nguyễn Hồng A rủ sang Myanmar để làm spa bên đó đông khách kiếm được nhiều tiền, nhưng sau khi các bị hại sang Myanmar, thì lại ép bán dâm, để trừ nợ, sau khi trừ hết nợ thì khống chế bắt các bị hại tiếp tục ở lại bán dâm, nhằm thu lợi cho bị cáo Nguyễn Hồng A. Hành vi của bị cáo Nguyễn

Hồng A đã cấu kết với các đối tượng (tên là L, D) khác tuyển mộ các phụ nữ trẻ là chị Nguyễn Thị Phương T2 và Nguyễn Thị Mai P đưa sang Myanmar với mục đích để bán dâm. Khi đưa các bị hại sang đến Myanmar, không như lời nói ban đầu của bị cáo Nguyễn Hồng A là sang để làm Spa, mà các bị hại P, T2 bị đưa vào cơ sở mại dâm, bị khống chế, ép buộc họ phải bán dâm, nếu các bị hại không thực hiện sẽ bị đe dọa đánh đập, không cho ăn uống, không cho về Việt Nam, buộc họ phải bán dâm để lấy tiền trả cho bị cáo Nguyễn Hồng A và chịu sự quản lý cơ sở mại dâm Myanmar. Bị cáo Nguyễn Hồng A còn được phân công hàng ngày nhắn tin trao đổi với các bị hại để nắm bắt tâm lý, quản lý các bị hại. Khi các bị hại bỏ trốn được về Việt Nam, bị cáo Nguyễn Hồng A vẫn tiếp tục nhắn tin đe dọa, đăng những hình ảnh xấu của các bị hại lên mạng xã hội, ép buộc về mặt tinh thần bắt họ phải quay lại Myanmar để tiếp tục bóc lột tình dục.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hồng A đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự (năm 2015) là đúng người đúng tội, không oan.

Hành vi phạm tội “*Mua bán người*” của bị cáo Nguyễn Hồng A là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm pháp luật hình sự bảo vệ quyền con người; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của con người, coi con người như một món hàng trao đổi mua bán, sử dụng vào mục đích vô nhân đạo, nhằm “bóc lột tình dục” để thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng trực tiếp đến đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến nền văn hóa và người phụ nữ Việt Nam. Ngoài ra, hành vi này gây mất trật tự trị an chung của địa phương, gây nên dư luận xấu trong xã hội. Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng A cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A: Nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A cho rằng: [Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên án tôi phạm tội “*Mua bán người*” và xử phạt tôi mức hình phạt như trên là không đúng. Hành vi của tôi không cấu thành tội “*Mua bán người*” Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết và quyết định hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng về trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng

hành sự. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm không có khiếu kiện gì. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện, đúng đầy đủ theo qui định của pháp luật. Đảm bảo quyền cho bị cáo Nguyễn Hồng A được thực hiện đúng, thực hiện đầy đủ đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào đơn trình báo ngày 13/11/2019 của bị hại Nguyễn Thị Mai P (BL01) và lời khai ngày 16/12/2019 của bị hại Nguyễn Thị Phương T2; các nội dung tin nhắn giữa P, T2 với bị cáo Nguyễn Hồng A (BL375, 376) cũng như những lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng A; cũng như các tài liệu khác liên quan trong quá trình điều tra vụ án liên quan đến hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng A, thấy đủ căn cứ kết luận: Xuất phát từ nhu cầu làm đẹp tại cơ sở Spa của bị cáo Nguyễn Hồng A, bị hại là chị P và chị T2, do không đủ tiền là đẹp nên các bị hại phải nợ lại P nợ 3.500.000 đồng, T2 nợ 10.000.000 đồng, từ việc nợ này bị cáo Nguyễn Hồng A đã lừa sang cơ sở spa ở Myanmar, khi đến Myanmar thì đưa vào cơ sở không chế để bán dâm, ngoài trừ các khoản các bị hại nợ, thì phải trả các khoản phụ phí khác, với mục đích để “ bóc lột tình dục”. Từ ngày 15/10/2019 P, T2 đã vượt biên theo kế hoạch sắp xếp của bị cáo Nguyễn Hồng A và được đưa vào cơ sở bán dâm tại Myanmar; Khi các bị hại bán dâm đã đủ trả tiền nợ cho bị cáo Nguyễn Hồng A, nhưng vẫn bị Nguyễn Hồng A không chế bắt ở lại Myanmar để thực hiện tiếp tục việc bán dâm. Hành vi nêu trên bị cáo Nguyễn Hồng A đối chiếu với các qui định của Bộ luật hình sự, tại Điều 150 Bộ luật hình sự, tội “Mua bán người” và Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 Bộ luật hình sự về tội “Mua bán người” có quy định tại Điều 2; cũng như quy định tại Điều 3 Nghị định T2 Palermo của Liên hiệp quốc ngày 15/11/2000 mà Việt Nam đã tham gia ký phê chuẩn có quy định khái niệm về buôn bán người. Thì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hồng A về tội “Mua bán người” theo các điểm d, đ khoản 2 (từ 08 năm đến 15 năm) Điều 150 Bộ luật Hình sự (năm 2015) là đúng người đúng tội, không oan, mức hình phạt bị cáo Nguyễn Hồng A 10 năm tù, trong trường hợp này bị cáo Nguyễn Hồng A có 2 tình tiết định khung là phù hợp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng A, vắng mặt nhiều lần không có lý do, gây khó khăn ít nhiều cho việc xét xử phúc thẩm của Tòa án và bị cáo Nguyễn Hồng A cũng không bổ xung được chứng cứ nào mới, để minh oan, để hủy án. Nên không có căn cứ để hủy án, chuyển hồ sơ để điều tra lại.

Còn đối với các đối tượng tên là L, D có dấu hiệu của đồng phạm: Bị cáo

Nguyễn Hồng A khai quen đối tượng tên là L là người đặt vấn đề với Nguyễn Hồng A tìm phụ nữ trẻ đẹp để đưa sang Myanmar bán dâm. Đối tượng tên là D là người đưa các bị hại từ Hà Nội lên Lào Cai để đưa sang Trung Quốc. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra về các đối tượng trên, nhưng không xác định được cụ thể, cần có sự hợp tác trung thực của bị cáo Nguyễn Hồng A để tiếp tục điều tra những đối tượng có liên quan, để xử lý theo qui định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phúc thẩm, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng A kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ các Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTCQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng A; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2022/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 150; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng A 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán người”, thời hạn thi hành án phạt tù, tính từ ngày bắt thi hành án.

[2]. Án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua đ/c);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Hạnh